

**THÔNG BÁO**  
**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,**  
**năm học 2022 – 2023**

| STT | Nội dung                                                     | Nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I   | Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ phát triển BT: 100%, không có trẻ suy dinh dưỡng; Không có trẻ béo phì;</li> <li>- 100% trẻ được đảm bảo ATTM về thể chất và tinh thần</li> <li>- 100% trẻ có thói quen vệ sinh văn minh trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ phát triển BT: 98%; Trẻ suy DD thể nhẹ cân: 1,0%; trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi: 1,0%, trẻ béo phì: 1,0 %;</li> <li>- 100% trẻ được đảm bảo ATTM về thể chất và tinh thần;</li> <li>- 100% trẻ có thói quen vệ sinh văn minh trong các hoạt động sinh hoạt hàng ngày.</li> </ul> |
| II  | Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện       | Chương trình Giáo dục mầm non sửa đổi bổ sung theo Thông tư 28/2016-BGDĐT                                                                                                                                                                                                                 | Chương trình Giáo dục mầm non sửa đổi bổ sung theo Thông tư 28/2016-BGDĐT                                                                                                                                                                                                                                                       |
| III | Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 50/50 trẻ đạt yêu cầu theo 4 lĩnh vực phát triển</li> </ul>                                                                                                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- 300/300 trẻ mẫu giáo 3 - 5 tuổi đạt yêu cầu theo 5 lĩnh vực phát triển giáo dục;</li> <li>- 123/123 trẻ 5 - 6 tuổi đạt các yêu cầu của 120 chỉ số theo bộ chuẩn phát triển trẻ năm tuổi và mục tiêu chương trình giáo dục mầm non</li> </ul>                                           |

|    |                                                                            |                                                                                                                                                                                                                              |
|----|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| IV | <p>Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non</p> | <p>- Đội ngũ GV nhiệt tình , tâm huyết có trình độ chuyên môn vững vàng.</p> <p>CSVC: đảm bảo DT đất, có đủ phòng học, các thiết bị, dụng cụ phục vụ sinh hoạt, hoạt động học tập, vui chơi đầy đủ đúng theo tiêu chuẩn.</p> |
|----|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

*Đông Triều, ngày 05 tháng 10 năm 2022*

**Thủ trưởng đơn vị**



**Nguyễn Thị Hương**

**THÔNG BÁO**

**Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2022 - 2023**

| STT        | Nội dung                                                         | Tổng số trẻ em | Nhà trẻ         |                  |                  | Mẫu giáo |          |          |
|------------|------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|------------------|------------------|----------|----------|----------|
|            |                                                                  |                | 3-12 tháng tuổi | 13-24 tháng tuổi | 25-36 tháng tuổi | 3-4 tuổi | 4-5 tuổi | 5-6 tuổi |
| <b>I</b>   | <b>Tổng số trẻ em</b>                                            | 345            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| 1          | Số trẻ em nhóm ghép                                              |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 2          | Số trẻ em học 1 buổi/ngày                                        |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 3          | Số trẻ em học 2 buổi/ngày                                        | 345            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| 4          | Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập                                |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| <b>II</b>  | <b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>                         | 345            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| <b>III</b> | <b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>                  | 345            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| <b>IV</b>  | <b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b> | 345            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| <b>V</b>   | <b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>                    |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 1          | Số trẻ cân nặng bình thường                                      | 340            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| 2          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân                                | 5              |                 |                  | 0                | 1        | 2        | 2        |
| 3          | Số trẻ có chiều cao bình thường                                  | 343            |                 |                  | 50               | 86       | 105      | 104      |
| 4          | Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi                               | 2              |                 |                  | 0                | 1        | 0        | 1        |
| 5          | Số trẻ thừa cân béo phì                                          | 6              |                 |                  | 0                | 2        | 2        | 2        |
| <b>VI</b>  | <b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>          |                |                 |                  |                  |          |          |          |
| 1          | Chương trình giáo dục nhà trẻ                                    | 50             |                 |                  | 50               |          |          |          |
| 2          | Chương trình giáo dục mẫu giáo                                   | 295            |                 |                  |                  | 86       | 105      | 104      |

Đông Triều, ngày 05 tháng 10 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Hương